Tiết 2;3: Bài 2 Ngày soạn: 4/9/2023

**DỰA VÀO ĐÂU ĐỂ BIẾT VÀ PHỤC DỰNG LẠI LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Các nguồn sử liệu cơ bản (hiện vật, kênh chữ, truyền miệng, bản gốc…).

- Ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu.

***2. Về năng lực:***

- Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản.

- Trình bày được ý nghĩa và giá trị các nguồn sử liệu ở trên.

***3. Về phẩm chất:***

- Trân trọng và gìn giữ các nguồn sử liệu cơ bản.

- Trung thực trong khi nghiên cứu lịch sử dựa trên các nguồn sử liệu.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV:**  - Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ.  - Quan sát nhữnghình ảnh sau và trả lời câu hỏi.  **HS** quan sát, trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nhóm của HS- HS nêu được nội dung của mỗi bức tranh.  - Mỗi bức tranh nói lên nguồn tư liệu lịch sử nào.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ  - Quan sát các hình ảnh sau và cho biết các nguồn tư liệu lịch sử này?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Hiện vật* | *Kênh chữ* | *Kể chuyện* |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát hình ảnh, phân tích hình ảnh và ghi kết quả thảo luận ra phiếu học tập.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  - Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Nêu được các nguồn tư liệu lịch sử.

- Lấy ví dụ về các nguồn tư liệu lịch sử.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận và KT đặt câu hỏi để hỏi.

- Hs làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày sản phẩm.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng chuyên sâu (7 phút)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4…  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:  **Nhóm 1**: Tìm hiểu về tư liệu hiện vật.  **Nhóm 2**: Tìm hiểu về tư liệu chữ viết.  **Nhóm 3**: Tìm hiểu về tư liệu truyền miệng.  **Nhóm 4**: Tìm hiểu về tư liệu gốc.  ***\* Vòng mảnh ghép (8 phút)***  **-** Tạo nhóm mới (các em số 1 tạo thành nhóm I mới, số 2 tạo thành nhóm II mới, số 3 tạo thành nhóm III… mới & giao nhiệm vụ mới:  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu?  2. Nêu vai trò của các nguồn tư liệu trong việc tìm hiểu lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  ***\* Vòng chuyên sâu***  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (7 phút)***  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu ở vòng mảnh ghép.  - 5 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang phần Luyện tập. | **1. Tư liệu hiện vật**  - Là những di tích, đồ vật của người xưa còn giữ lại.  VD:    Ngói úp ở Hoàng Thành    Trống đồng  **2. Tư liệu chữ viết**  - Là những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, chữ được khắc trên bia đá…  **VD**:  - Các cuốn sách viết về lịch sử.    - Bia khắc chữ:    **3. Tư liệu truyền miệng**  - Là những câu chuyện dân gian: truyền thuyết, thần thoại, cổ tích… được kể từ đời này sang đời khác.  **VD**: Truyền thuyết Hồ gươm    - Truyền thuyết Thánh Gióng    **4. Tư liệu gốc**  - Là những tư liệu cung cấp thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử đó. Đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Theo em tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết, tư liệu truyền miệng và tư liệu gốc có ý nghĩa và giá trị gì?

Bài tập 2: Kể tên một số truyền thuyết về một nhân vật hay sự kiện lịch sử mà em biết?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Ở nhà em hoặc nơi em sinh sống có những hiện vật nào có thể giúp tìm hiểu lịch sử?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Ngày soạn: 7/ 09/ 2023

**Tiết 4: Bài 3: THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:*** Một số khái niệm về thời gian trong việc học lịch sử (thế kỉ, thập kỉ, thiên niên kỉ, trước công nguyên, sau công nguyên, công nguyên…).

***2. Về năng lực:***

- Biết cách tính thời gian trong lịch sử.

- Hiểu được vì sao phải tính thời gian trong lịch sử.

***3. Về phẩm chất:***

- Trung thực trong tìm hiểu, học tập lịch sử.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Xác định được vấn đề chính của nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  **GV** trình chiếu hình ảnh, đặt câu hỏi.  **HS** quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm:** - HS gọi tên được hình ảnh đó là các loại đồng hồ (nếu chỉ được tên cụ thể thì càng tốt) dùng để tính thời gian.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chiếu hình ảnh về hình đồng hồ và hỏi HS:   |  |  |  | | --- | --- | --- |   ? Em hãy nêu tên của vật dụng trong những bức tranh? Những vật dụng này dùng để làm gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.  **HS:** Quan sát hình ảnh và trả lời.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trả lời câu hỏi.  - Các em còn lại theo dõi bạn trả lời và nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV và theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  - Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo. |
| --- | --- | --- | --- |

**HĐ 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

| **1. Vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?** | | |
| --- | --- | --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS hiểu được vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?  **b) Nội dung**: GV đặt câu hỏi, HS trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Tại sao phải xác định thời gian trong lịch sử?  ? Người xưa đã xác định thời gian bằng những cách nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời  **HS:**  - Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.  - Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | - *Lịch sử* là những gì đã xảy ra trong quá khứ theo trình tự thời gian. Muốn hiểu và dựng lại lịch sử, cần sắp xếp tất cả sự kiện theo đúng trình tự của nó.  - Người xưa đã tạo ra nhiều cách đo thời gian khác nhau. | |
| **2. Các cách tính thời gian trong lịch sử** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS giải thích được vì sao cần phải học lịch sử?  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tổ chức cho HS khai thác đơn vị kiến thức.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm và hoàn thiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập đã hoàn thành của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm và giao nhiệm vụ:  ? Hãy cho biết cách tính thời gian trong lịch sử ?  ? Từ đó em hãy lấy một ví dụ để tính thời gian trong lịch sử?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và thảo luận luận nhóm.  **GV** hướng dẫn, hỗ trợ các em thảo luận nhóm (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV***:*  - Yêu cầu HS trả lời, yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày, nhận xét (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm.  - HS các nhóm còn lại quan sát, theo dõi nhóm bạn trình bày và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chuyển dẫn sang phần luyện tập. | | - Người xưa đã nghĩ ra cách làm lịch:  + Âm lịch: được tính theo chu kì chuyển động của mặt trăng quay quanh trái đất.  + Dương lịch: được tính theo chu kì chuyển động của trái đất quay quanh mặt trời (còn gọi là công lịch).  *Chúa Giê Su ra đời*  TCN **1** SCN    (+) CN ( - )  {thập kỉ: 10 năm; thế kỉ (100 năm), thiên niên kỉ (1000 năm)}.  - Ở Việt Nam, Công lịch được dùng trong các cơ quan nhà nước, tuy nhiên âm lịch vẫn được dùng cho văn hoá và tâm linh, bởi vậy trên tờ lịch đều ghi rõ 2 ÂL và DL. |

**HĐ 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**

**Bài tập 1:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Muốn biết năm 2000 TCN cách ta bao nhiêu năm thì em tính như thế nào?

2021 + 2000 = 4021 năm

Bài tập 2: Muốn biết năm 1230 SCN cách 2021 bao nhiêu năm thì ta tính thế nào?

2021 – 1230 = 791 năm

🡪 Muốn biết năm TCN cách hiện tại thì làm phép cộng, muốn biết SCN cách hiện tại ta làm phép trừ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của đề bài và suy nghĩ cá nhân để làm bài tập

- GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu đề và làm bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài làm của HS (HS chỉ ra được lịch sử của trường học, của ngôi làng, của di tích đền thờ… nơi mình sinh sống).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Em hãy tìm hiểu năm xây dựng của công trình trình kiến trúc ở nơi em đang sinh sống hoặc một di chỉ lịch sử mà em biết và tính niên đại của nó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Ngày soạn: 15/ 09/ 2023

**CHƯƠNG II. XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ**

**Tiết 5;6: BÀI 4: NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Mô tả được quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người trên Trái Đất. Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất – điểm bắt đầu của lịch sử loài người.

- Xác định được dấu tích Sự hiện diện của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam.

***2. Năng lực***

**Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

- Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

**Năng lực riêng:**

- Tìm hiểu lịch sử qua việc khai thác tư liệu, hình ảnh, lược đồ,...liên quan đến bài học.

- Nhận thức lịch sử qua việc phân tích vai trò của lao động đối với xã hội nguyên thủy.

***3. Phẩm chất***

**-** Giáo dục phẩm chất chăm chỉ trong học tập, lao động.

- Giáo dục phẩm chất tôn trọng lao động và tinh thần sáng tạo, có trách nhiệm.

- Giáo dục phẩm chất yêu đất nước biết gốc tích tổ tiên, quê hương để từ đó bồi đắp thêm lòng yêu nước.

- Giáo dục phẩm chất trách nhiệm biết giữ gìn và bảo tồn các di sản văn hóa

Chăm chỉ tìm hiểu và thu thập các thông tin, hình ảnh trong bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Đối với giáo viên***

- Thiết kế bài giảng ̣(video, tranh ảnh về sự hình thành và phát triển của Loài người)

- Máy tính, thiết bị trình chiếu Tivi, tranh ảnh

- Lược đồ dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn thành người ở ĐNA

- Một số hình ảnh công cụ đồ đá, răng hoá thạch

- Phiếu học tập

- Bản đồ Đông Nam Á.

***2. Đối với học sinh***

Đọc và trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa, đọc và tìm hiểu các tài liệu liên quan.

+ Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất: thời gian, địa điểm, động lực.

+ Sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Dự kiến kế hoạch dạy học:**

\* Tiết 1: phần khởi động và mục I Quá trình tiến hoá từ vượn thành người

\* Tiết 2 mục II Dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á, mục luyện tập và vận dụng

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG.**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được đó là hiểu được nguồn gốc của Loài người và phát triển tạo tâm thế đi vào tìm hiểu bài mới.

**b. Nội dung hoạt động:** GV cho HS xem video về nguồn gốc loài người và xác định được quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra như thế nào (*chọn 1 trong 3 video sau*)

<https://youtu.be/oT2vFokuc4A>

<https://youtu.be/YDKGXp8WZXs?t=144> Người nguyên thủy tâp 1

<https://youtu.be/P2D0aeEn2-M?t=71> Tóm tắt quá trình tiến hoá của loài người

**c. Sản phẩm:** Học sinh trình bày được nguồn gốc loài người là từ vượn người trải qua quá trình lao động kiếm sống đã chuyển hóa thành người

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** Giao nhiệm vụ

Cho HS xem video và yêu HS trả lời câu hỏi: Con người có nguồn gốc từ đâu? Quá trình tiến hóa diễn ra như thế nào?

**Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: HS xem và suy nghĩ trả lời câu hỏi

**Bước 3**: HS báo cáo những gì mình đã nghe và hiểu

**Bước 4:** GV Nhận xét, đánh giá, kết luận/chốt: Con người có nguồn gốc từ một loài Vượn nhưng quá trình tiến hóa diễn ra như thế nào? Và những nơi nào là cái nôi của loài người chúng chuyển vào tìm hiểu bài 3

**HOẠT ĐỒNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. QUÁ TRÌNH TIẾN HOÁ TỪ VƯỢN NGƯỜI THÀNH NGƯỜI**

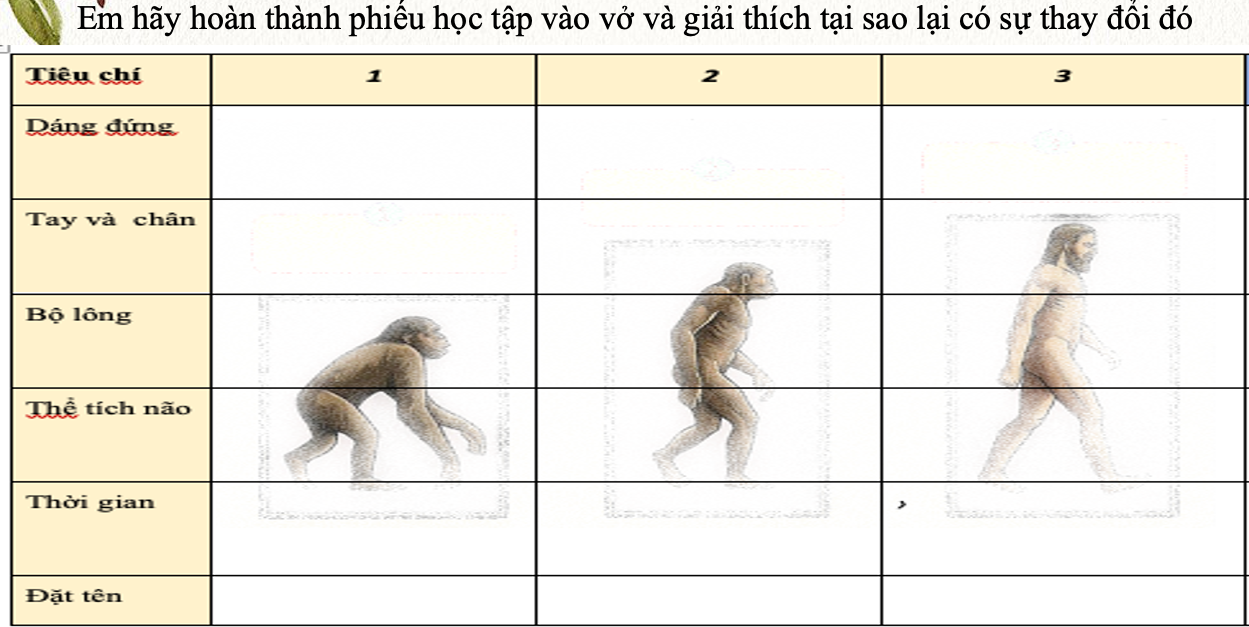
**a. Mục tiêu:**Nêu được quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua 3 giai đoạn; nêu được đặc điểm tiến hóa về cấu tạo cơ thể của vượn người, Người tối cổ, Người tinh khôn và xác định được những minh chứng chứng minh nguồn gốc của loài người

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS quan sát tranh ảnh, tìm hiểu thông tin trong SGK, thu thập thông tin, thảo luận nhóm để biết được nguồn gốc của loài người

**c. Sản phẩm:** Học sinh trình bày được Loài người có nguồn gốc từ một loài vượn cổ trải qua 3 giai đoạn, hoàn thành được phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**PHIẾU HỌC TẬP**

**

| *Hoạt động thầy - trò* | *Sản phẩm cần đạt* |
| --- | --- |
| **Bước 1. GV** chuyển giao nhiệm vụ:  GV lần lượt tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ:     1. Quan sát vào hình 2 (tr17) thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau: Quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua mấy giai đoạn? đó là những giai đoạn nào? Cho biết niên đại tương ứng của các giai đoạn đó? 2. Quan sát hình sau   t Em rút ra đặc điểm nào cho sự tiến hóa của người tối cổ so với vượn người (*Đã đi thẳng bằng 2 chân, từ bỏ đời sống leo trèo, đã biết làm công cụ, não lớn hơn*)   1. Việc phát hiện các bộ xương hóa thạch (H3.2;H3.3) có ý nghĩa như thế nào trong việc giải thích nguồn gốc và quá trình tiến hóa của loài người? 2. Hoàn thành phiếu học tập (theo mẫu)   **Bước 2. HS** Nhận nhiệm vụ và triển khai hoạt động  **Bước 3.** HS báo cáo  GV điều khiển các nhóm cử đại diện trình bày các nhiệm vụ được giao, các nhóm bạn nhận xét bổ sung theo kỉ thuật 3-2-1 (nêu 3 ưu điểm 2 tồn tại và 1 góp ý)  GV cần cung cấp cho các em thêm tên và thời gian tồn tại của người Neanderthal (400 000 TCN – 40 TCN) và người lùn Floresiensis (200 000 TCN – 50 0000 TCN) trong bức hình. Căn cứ trên thời gian tồn tại được khoa học chứng minh dựa trên hoá thạch, cho HS tự rút ra kết luận: Khi Người tinh khôn xuất hiện và tồn tại cùng với nhiều “anh em” của họ và trong quá trình tiến hoá, Người tinh khôn là loài duy nhất tồn tại và phát triển  **Bước 4:** **GV** Nhận xét, trình bày và chốt ý (kết luận) **HS** Lắng nghe và ghi chép | ***- Quá trình chuyển biến từ vượn thành người trải qua 3 giai đoạn chính:*** vượn cổ=> người tối cổ=> người tinh khôn  - Người tối cổ ở nhiều nơi trên thế giới và thời gian tồn tại khác nhau.  - Người tinh khôn xuất hiện và tồn tại cùng với nhiều “anh em” của họ và trong quá trình tiến hoá, Người tinh khôn là loài duy nhất tồn tại và phát triển.  *-* Các nhà khoa học tìm thấy các bộ xương người hóa thạch và xác định được niên đại chứng tỏ con người đã xuất hiện trên trái đất cách đây hàng triệu năm, đập tan những quan điểm duy tâm về nguồn gốc loài người (do một đấng thần linh nào đó sáng tạo ra) |

**II. NHỮNG DẤU TÍCH CỦA QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TỪ VƯỢN THÀNH NGƯỜI Ở ĐÔNG NAM Á VÀ VIỆT NAM**

**a. Mục tiêu:**- HS xác định được dấu tích của người tối cổ trên bản đồ Đông Nam Á và Việt Nam; Hiểu được quá trình chuyển biến từ vượn ở ĐNA diễn ra liên tục

**b. Nội dung: GV tổ chức** học sinh hoạt động nhóm tìm hiểu thông tin trong SGK và quan sát vào lược đồ dấu tích người tối cổ ở Đông Nam Á đề xác định vị trí trên bản đồ và nhận xét

**c. Sản phẩm:** Hs chỉ được vị trí các di tích hóa thạch và vị trí di chỉ đồ đá trên bản đồ

**d. Tổ chức thực hiện:**

| *Hoạt động thầy - trò* | *Sản phẩm cần đạt* |
| --- | --- |
|  | |
| **Bước 1. GV** chuyển giao nhiệm vụ:  - GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm thảo luận trong vòng 3 phút  ***Nhóm 1,2***:. Quan sát lược đồ H3 xác định những dấu tích của Người tối cổ được tìm thấy để chứng minh: “ ĐNA là một trong những chiếc nôi của loài người”  ***Nhóm 3,4:*** Dựa vào thông tin và hình 3, 4, 5 trong SGK, việc phát hiện ra công cụ đả và răng hoá thạch của Người tối cổ ở Việt Nam chứng tỏ điều gì?  **Bước 2. HS** Nhận nhiệm vụ và triển khai hoạt động  GV quan sát và hộ trợ các nhóm nếu cần  **Bước 3.** HS báo cáo  - GV gọi đại diện. nhóm 1,2 lên chỉ trên lược đồ các địa điểm tìm thấy di cốt Vượn người, Người tối cổ và Người tinh khôn. Để chứng minh ĐNA là một trong những chiếc nôi của loài người. Các bạn còn lại quan sát và nhân xét góp ý bổ sung  - Gọi đại diện nhóm 3 trình bày ý 2 và nhóm 4 nhận xét bổ sung góp ý  - GV yêu cầu HS Gạch chân các địa điểm và mốc thời gian để rút ra quá trình chuyển biến đó diễn ra liên tục kéo dài đến khoảng 4 vạn năm cách ngày nay thì thành người hiện đại  **Bước 4:** **GV** Nhận xét, trình bày và chốt ý (kết luận) **HS** Lắng nghe và ghi chép | * Ở Đông Nam Á: Mian ma; Thái Lan, Việt Nam. Inđonexia * Philippin, Malayxia * Đông Nam Á là một trong những chiếc nôi của loài người * Ở Việt Nam: Núi Đọ, An Khê, Xuân Lộc, Thẩm Khuyên, Thẩm Ha -> Là một trong những chiêc nôi của loài người * quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra liên tục. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP.**

**a. Mục tiêu:**- Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về nguồn gốc loài người

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc *cá nhân* trả lời các câu hỏi. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn hoặc thầy, cô giáo.

**c. Sản phẩm:**

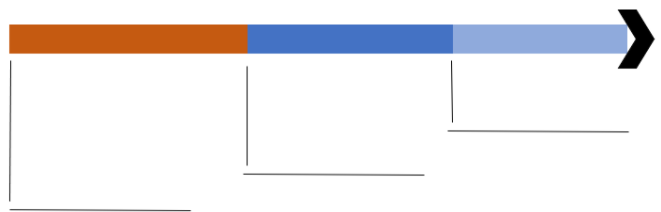
**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1. GV** chuyển giao nhiệm vụ:

Bài tập 1: Bằng chứng nào chứng tỏ Đông Nam Á là nơi có con người xuất hiện rất sớm

Bài tập 2: Lập Bảng thống kê các di tích của người Tối cổ ở Đông Nam Á theo nội dung (tên quốc gia, địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ)

Bài tập 3: Dựa vào nội dung của bài học em hãy vẽ sơ đồ theo mẫu vào vở và hoàn thành sơ đồ tiến hóa từ vượn thành người.



**Bước 2. HS** nhận nhiệm vụ và triển khai hoạt động GV quan sát và hỗ trợ các nhóm nếu cần

**Bước 3.** HS báo cáo GV điều khiển các nhóm cử đại diện trình bày, nhận xét

**Bước 4:** **GV n**hận xét, trình bày và chốt ý (kết luận) **HS** Lắng nghe và ghi chép

**Gợi ý sản phẩm**

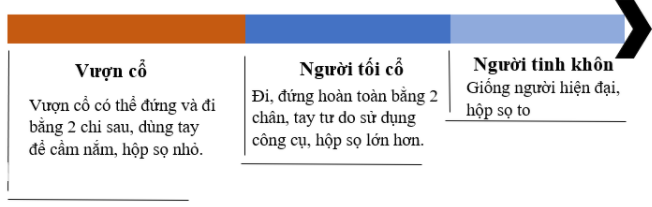
1. Bằng chứng: Dựa vào bằng chứng khoa học được tìm thấy ở Đông Nam Á: hoá thạch ở Java, công cụ lao động của Người tối cổ, răng Người tối cổ tìm thấy khắp mội nơi trên khu vực ĐNA

2. Quan sát lược đồ hình 3 em hãy lập bảng thống kê các di tích của người Tối cổ ở Đông Nam Á

3.

| **Tên quốc gia ngày nay** | **Tên địa điểm tìm thấy dấu tích** |
| --- | --- |
| Myanmar | Pondaung |
| Thái Lan | Tham Lod |
| Việt Nam | Núi Đọ, An Khê, Xuân Lộc,Thẩm Khuyên, Thẩm Hai |
| Indonesia | Trinin, Liang Bua |
| Philippines | Ta Bon |
| Malaysia | Nia |

3. Sơ đồ theo mẫu vào vở và hoàn thành sơ đồ tiến hóa từ vượn thành người.

****

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG.**

*a) Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

*b) Nội dung hoạt động*: GV tổ chức cho HS nghiên cứu hoàn thành bài tập ở nhà

*c) Sản phẩm học tập:* bức thư giới thiệu về nguồn gốc loài người

*d) Cách thức tiến hành hoạt động*

*-* **GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi sgk**

*Phần lớn người châu Phi có làn da đen, người châu Á có làn da vàng còn người châu  
Âu có làn da trắng, liệu họ có chung một nguồn gốc hay không?*

**- HS tư duy:**

Châu Phi là nơi xuất hiện sớm nhất - di cư qua các châu lục - môi trường sống khác nhau- cơ thể biến đổi thích nghi với môi trường

GV giúp HS rút ra kết luận: Môi trường ảnh hưởng quan trọng, là yếu tố quyết định quá trình tiến hoá. Ngày nay con người vẫn tiếp tục tiến hoá để thích nghi với môi trường.

***BÀI TẬP VỀ NHÀ***

- Viết một lá thư kể cho người thân về hiểu biết của mình về nguồn gốc con người

**Kế hoạch đánh giá**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Đánh giá thường xuyên (GV đánh giá HS,  HS đánh giá HS) | - Vấn đáp.  - Kiểm tra viết, kiểm tra thực hành. | - Các loại câu hỏi vấn đáp.  - Phiếu học tập. |  |